

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG,
TỈNH ĐẮKNÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25/3/2025

V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hữu Tỷ
2. Ông Nguyễn Hoài Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa:
Bà Lang Thị Tố – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông đã xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 132/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 2 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Tòa của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị V (Có mặt), S năm 1988;

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn S (Vắng mặt), S năm 1992;

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, chị Trương Thị V (nguyên đơn) trình bày: Chị Trương Thị V và anh Hoàng Văn

S kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 07/8/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ. Hôn nhân giữa chị V và anh S là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc.

Trong thời gian chung sống, chị V và anh S có 04 người con chung: Cháu Hoàng Văn L, sinh ngày 02/02/2011; cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 16/3/2012; cháu Hoàng Thị Lan T, sinh ngày 31/10/2013 và cháu Hoàng Văn Đ, sinh ngày 24/9/2020. Hiện cháu Hoàng Văn L và cháu Hoàng Thị Lan T đang ở cùng với anh Hoàng Văn S (bố); còn cháu Hoàng Thị T và cháu Hoàng Văn Đ đang ở với chị V (mẹ) tại thôn 6 xã Quảng Hòa, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

Chị V và anh S không có tài sản chung gì cả, tài sản riêng không có gì; cũng không vay mượn của ai cả và cũng không cho ai vay mượn.

Thời gian đầu mới kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát S nhiều mâu thuẫn; vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách khác nhau, hay cãi nhau, không quan tâm đến nhau nữa, việc ai người đó làm, không quan tâm đến gia đình; anh S có mối quan hệ bên ngoài (có người phụ nữ khác) nên không chung sống với chị V. Vợ chồng chị V và anh S đã sống ly thân với nhau từ năm 2021, đây cũng là thời điểm anh S có người phụ nữ khác.

Chị Trương Thị V có quan điểm, nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết, như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị V xin ly hôn với anh Hoàng Văn S

Về nuôi con chung: Chị V có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị T (sinh ngày 16/3/2012) và cháu Hoàng Văn Đ (sinh ngày 24/9/2020); còn cháu Hoàng Văn L (sinh ngày 02/02/2011) và cháu Hoàng Thị Lan T (sinh ngày 31/10/2013) giao cho anh Hoàng Văn S chăm sóc, nuôi dưỡng, giao dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với anh Hoàng Văn S (bị đơn):* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, anh S trình bày: Anh Hoàng Văn S và chị Trương Thị V kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 07/8/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ. Hôn nhân giữa anh S và chị V là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Trong thời gian chung sống, chị V và anh S có 04 người con chung: Cháu Hoàng Văn L, sinh ngày 02/02/2011; cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 16/3/2012; cháu Hoàng Thị Lan T, sinh ngày 31/10/2013 và cháu Hoàng Văn Đ, sinh ngày 24/9/2020. Hiện các cháu (04 cháu) đang ở với anh S và chị V tại thôn A, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ. Chị V và anh S không có tài sản chung gì cả, tài sản riêng không có gì; cũng không vay mượn của ai cả và cũng không cho ai vay mượn. Thời gian đầu mới kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, gần đây có phát S mâu thuẫn; vợ chồng có bất đồng quan điểm, lối sống, có cãi nhau nhưng anh S cho rằng vợ chồng có thể hàn gắn được và cho rằng vợ chồng vẫn còn chung sống với nhau.

Anh Hoàng Văn S có quan điểm, nguyện vọng, như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh S chưa đồng ý ly hôn với chị Trương Thị V vì cho rằng vợ chồng còn có thể hàn gắn được và cùng nhau chăm sóc con cái.

Về nuôi con chung: Trường hợp mà vợ chồng phải ly hôn thì anh S muốn được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 04 cháu cho đến khi các cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên hòa giải đoàn tụ, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải và phiên tòa đối với anh Hoàng Văn S, mặc dù đã biết được các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt nhưng anh Hoàng Văn S vẫn vắng mặt trong tất cả các lần triệu tập, thông báo và xét xử nên không có lời trình bày gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn chưa chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc ly hôn và nuôi con chung.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị V được ly hôn với anh Hoàng Văn S.

Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 16/3/2012 và cháu Hoàng Văn Đ, sinh ngày 24/9/2020 cho chị Trương Thị V; giao cháu Hoàng Văn L, sinh ngày 02/02/2011 và cháu Hoàng Thị Lan T, sinh ngày 31/10/2013 cho anh Hoàng Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Trương Thị V được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1]1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trương Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Hoàng Văn S và xin được nuôi con chung, đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn (anh Hoàng Văn S) có đăng ký thường trú và S sống tại thôn A, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]1.3. Về sự vắng mặt của bị đơn: Đối với anh Hoàng Văn S (bị đơn) đã được Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong triệu tập hợp lệ đến 02 lần (tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa) để tham gia phiên tòa nhưng anh S vẫn vắng mặt mà không có lý do gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung vụ án:

[4]2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị V và anh Hoàng Văn S kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 07/8/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ; việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh S là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn (nguyên nhân chính do anh S có mối quan hệ bên ngoài với người phụ nữ khác) dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, chị V và anh S đã không còn chung sống cùng nhà (sống ly thân) với nhau từ năm 2021. Chị V cũng thừa nhận, chị không còn tình cảm với anh S, không muốn tiếp tục chung sống với anh S và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống, hôn nhân không đạt được mục đích; mâu thuẫn phát S từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục; chị V và anh S không còn tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, hôn nhân của chị V và anh S thật sự không đạt được mục đích. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị V.

[5]2.2. Về nuôi con chung: Chị Trương Thị V có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 16/3/2012 và cháu Hoàng Văn Đ, sinh ngày 24/9/2020; còn cháu Hoàng Văn L, sinh ngày 02/02/2011 và cháu Hoàng Thị Lan T, sinh ngày 31/10/2013 giao cho anh Hoàng Văn S chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của các con chưa thành niên.

Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

“2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Hiện cháu L, cháu T và cháu Tiên đã trên 7 tuổi; qua ý kiến của các cháu thì cháu L và cháu T có nguyện vọng ở với anh S và hiện đang ở với anh S, còn cháu T có nguyện vọng ở với chị V và hiện đang ở với chị V, còn cháu Đ hiện mới 05 tuổi và đang ở với chị V; cả anh S và chị V đều đủ điều kiện để chăm sóc các con (có chỗ ở và có thu nhập). Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Hoàng Thị T và cháu Hoàng Văn Đ cho chị Trương Thị V; giao cháu Hoàng Văn L và cháu Hoàng Thị Lan T cho anh Hoàng Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành.

[6]2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] 2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có tài sản chung, không nợ ai và không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[8]**3. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Căn cứ vào Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do chị Trương Thị V là người dân tộc thiểu số, S sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm.

[9]Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228; Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị V đối với anh Hoàng Văn S về việc ly hôn, nuôi con chung.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị V được ly hôn với anh Hoàng Văn S (chấm dứt quan hệ hôn nhân).

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 16/3/2012 và cháu Hoàng Văn Đ, sinh ngày 24/9/2020 cho chị Trương Thị V; giao cháu Hoàng Văn L, sinh ngày 02/02/2011 và cháu Hoàng Thị Lan T, sinh ngày 31/10/2013 cho anh Hoàng Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung, người trực tiếp nuôi con không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục các cháu.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110 ; Điều 117 và Điều 119 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị V được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong (02);
- Chi Cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Q, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng